TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH QUẢNG BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 106/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 04 - 9 - 2024
V/v: Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Thái Sơn

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trương Xuân Mâu và bà Hoàng Thị Thoan

- Thư ký phiên toà: Bà Phan Thị Mai Ly - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Quảng Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Bình tham gia phiên toà: Bà Chế Thị Bích Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Quảng Bình mở phiên tòa sơ thẩm xét xử công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 139/2023/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 11 năm 2023, về việc ly hôn. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 171/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 7 năm 2024; Quyết định hoãn phiên tòa số: 333/2024/QĐST-HNGĐ ngày 05/8/2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị C, sinh năm 1982; trú tại: Thôn T, xã T, huyện B, tỉnh Quảng Bình, có mặt;

Bị đơn: Anh Lee Dong J, sinh ngày 10/10/1956; Quốc tịch: Hàn Quốc; Hiện đang cư trú tại: 114 SaJik-dong, S, K-do, K1 (Hàn Quốc). Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 03/10/2023, bản tự khai và tại phiên tòa nguyên đơn chị Nguyễn Thị C trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị C và anh Lee Dong J có quá trình tìm hiểu và đăng ký kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn tại cơ quan có thẩm quyền của Hàn Quốc vào ngày 24/9/2010, sau đó chị C và anh Lee Dong J đã đến Sở Tư pháp tỉnh Quảng Bình ghi chú vào sổ đăng ký kết hôn về việc đã đăng ký trước cơ quan có thẩm quyền nước ngoài và được Sở Tư pháp tỉnh Quảng Bình cấp giấy chứng nhận đã ghi vào sổ đăng ký kết hôn vào ngày 08/10/2010. Sau khi kết hôn chị C và anh Lee Dong J không chung sống với nhau tại Việt Nam. Anh Lee Dong J về nước, còn chị C làm thủ tục qua Hàn Quốc đoàn tụ với anh Lee Dong J nhưng không xuất cảnh

được, từ đó đến nay chị C không liên lạc được với Lee Dong J. Hiện nay chị C và Lee Dong J đã không liên lạc với nhau 13 năm. Xét thấy tình cảm vợ chồng trong hôn nhân không có, đời sống vợ chồng trên thực tế không tồn tại. Vì vậy, chị C làm đơn yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình giải quyết cho chị được ly hôn anh Lee Dong J.

Về con chung: Chị Nguyễn Thị C trình bày vợ chồng không có con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị Nguyễn Thị C trình bày vợ chồng không có tài sản chung, nợ chung nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

* Phía bị đơn anh Lee Dong J, sau khi Toà án thụ lý giải quyết vụ án đã có văn bản số: 5007/TTTPDS- TA46 ngày 07/12/2023 gửi cho Bộ Tư pháp đề nghị uỷ thác cho cơ quan có thẩm quyền của nước Hàn Quốc thực hiện việc tống đạt các văn bản tố tụng của Toà án nhân dân tỉnh Quảng Bình cho anh Lee Dong J. Ngày 27/05/2024, Tòa án nhân dân tỉnh Quảng nhận được văn bản số 305/CH-BTP ngày 21/02/2024 của Bộ Tư pháp thông báo đã thực hiện việc chuyển các văn bản tố tụng của Tòa án đến Cục Quản lý Tòa án quốc gia , Đại Hàn Dân Quốc và Văn bản số 1301/BTP-PLQT ngày 15/5/2024 của Bộ Tư pháp thông báo đã nhận được văn bản số 2024-D-228 ngày 27/03/2024 của Cục Quản lý Tòa án quốc gia , Đại Hàn Dân Quốc. Ngày 05/7/2024 Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình có Công văn số 2477/CV -TAND gửi Ban Đối ngoại Đ (VOV5), yêu cầu đăng tin thông báo cho anh Lee Dong J hiện đang cư trú tại Hàn Quốc về việc Tòa án thụ lý giải quyết vụ án ly hôn giữa chị Nguyễn Thị C xin ly hôn anh Lee Dong J tại Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình và Ban Đ (VOV5) đã đăng tin 03 lần trong 03 ngày liên tiếp.

Tại phiên tòa sơ thẩm, chị Nguyễn Thị C giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Anh Lee Dong J vắng mặt tại phiên tòa lần hai không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Bình tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Trong quá trình tiến hành tố tụng, giải quyết vụ án người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị Tòa chấp nhận yêu cầu khởi kiện, xử cho chị Nguyễn Thị C được ly hôn anh Lee Dong J; Về con chung, tài sản chung không có, không yêu cầu nên không giải quyết; Đương sự chịu án phí, lệ phí và chi phí tố tụng theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Bị đơn anh Lee Dong J là người có quốc tịch Hàn Quốc, chị C có địa chỉ cư trú tại xã T, huyện B, tỉnh Quảng Bình làm đơn xin ly hôn tại Tòa án Việt

Nam. Đây là vụ án ly hôn có yếu tố nước ngoài nên Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền quy định tại khoản 3 Điều 35 và khoản 1 Điều 37 Bộ luật tố tụng dân sự.

Sau khi thụ lý vụ án, Toà án đã gửi văn bản cho Bộ Tư pháp đề nghị ủy thác cho Cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam tại Hàn Quốc thực hiện việc tống đạt các văn bản tố tụng của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình cho anh Lee Dong J. Ngày 04/3/2024, Tòa án nhân dân tỉnh Quảng nhận được văn bản số 305/CH-BTP ngày 21/02/2024 của Bộ Tư pháp thông báo đã thực hiện việc chuyển các văn bản tố tụng của Tòa án đến Cục Quản lý Tòa án quốc gia , Đại Hàn Dân Quốc và Văn bản số 1301/BTP-PLQT ngày 15/5/2024 của Bộ Tư pháp thông báo đã nhận được văn bản số 2024-D-228 ngày 27/03/2024 của Cục Quản lý Tòa án quốc gia , Đại Hàn Dân Quốc phản hồi về hồ sơ ủy thác tống đạt văn bản tố tụng đối với anh Lee Dong J. Ngày 05/7/2024 Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình có Công văn số 2477/CV -TAND gửi Ban Đối ngoại Đ (VOV5), yêu cầu đăng tin thông báo cho anh Lee Dong J. Tuy nhiên, đến nay Tòa án không nhận được lời khai, tài liệu, chứng cứ của Lee Dong J gửi đến Tòa án. Tòa án đã mở phiên tòa lần thứ nhất ngày 05/8/2024 nhưng anh Lee Dong J vắng mặt không có lý do nên phải hoãn phiên tòa. Tại phiên tòa ngày 04/9/2024 anh Lee Dong J tiếp tục vắng mặt không có lý do. Căn cứ Điều 227; điểm a, b khoản 5 Điều 477 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt anh Lee Dong J.

[2]. Về nội dung:

2.1.Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị C và anh Lee Dong J kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại cơ quan có thẩm quyền của Hàn Quốc ngày 24/9/2010 và đã ghi vào sổ đăng ký kết hôn tại Sở Tư pháp tỉnh Quảnh Bình, số A, quyển số 02/2010 ngày 08/10/2010. Như vậy, quan hệ hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị C và anh Lee Dong J hợp pháp. Kể từ khi anh Lee Dong J trở về Hàn Quốc sinh sống cho đến nay thì hai người không còn quan tâm đến nhau, ai biết cuộc sống của người đó vợ chồng sống ly thân đã hơn 13 năm. Xét thấy tình cảm vợ chồng giữa chị Nguyễn Thị C và anh Lee Dong J thực sự không có, cuộc sống chung vợ chồng không tồn tại, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, Hội đồng xét xử cần chấp nhận đơn xin ly hôn của chị C xử cho chị Nguyễn Thị C được ly hôn anh anh Lee Dong J là hoàn toàn phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

2.2. Về quan hệ con chung, tài sản chung: Chị Nguyễn Thị C trình bày hai vợ chồng không có con chung và không có tài sản chung nên chị C không yêu cầu Toà án giải quyết, do đó Toà án không xem xét.

[3].Về án phí, lệ phí ủy thác tư pháp: chị Nguyễn Thị C phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm và 200.000 đồng tiền lệ phí ủy thác tư pháp ra nước ngoài theo

quy định của pháp luật được khấu trừ vào số tiền tạm ứng đã nộp tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Bình;

Chị C phải chịu 7.200.000 đồng chi phí dịch thuật, đăng tin (bao gồm 5.200.000 đồng tiền chi phí dịch thuật và 2.000.000 đồng tiền chi phí thông báo qua kênh dành cho người nước ngoài của Đ Tiếng nói Việt Nam). Chị C đã nộp đủ tại Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 37, khoản 4 Điều 147; khoản 3 Điều 153, Điều 227, Điều 474, điểm a, b khoản 5 Điều 477; Điều 479 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị Quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án,

Áp dụng các Điều 56, Điều 57, Điều 121, Điều 123, Điều 127 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị C được ly hôn anh Lee Dong J.

2. Về quan hệ con chung, tài sản chung: Không có, chị Nguyễn Thị C không có yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xem xét.

3. Về án phí, lệ phí uỷ thác tư pháp: chị Nguyễn Thị C phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm và 200.000 đồng tiền lệ phí ủy thác tư pháp ra nước ngoài, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp tại biên lai số: 31AA/2021/0005609 ngày 23/10/2023 và biên lai số: 31AA/2021/0005610 ngày 23/10/2023 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Quảng Bình.

4. Chi phí tố tụng: Chị Nguyễn Thị C phải chịu 7.200.000 đồng tiền chi phí tố tụng (Chị C đã nộp đủ tại Tòa án).

5. Quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị C có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm; Anh Lee Dong J vắng mặt tại phiên tòa nên có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 12 tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh QB (P9);
- Cục THADS tỉnh QB;
- Các đương sự;
- Sở Tư pháp Quảng Bình;
- Lưu hồ sơ, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN –CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

đã ký

Nguyễn Thái Sơn